



Thế giới từ góc nhìn sáng tạo

Về quan hệ giữa Minh bạch và Sáng tạo

Minh Nguyễn

I.) Minh Bạch Trong Cuộc Sống

(Phần I là bài viết của T/S Alan Phan, nguồn: <http://www.gocnhinalan.com/bai-tieng-viet/minh-bch-trong-cuc-sng.html>)

Hệ quả của sự thiếu minh bạch là việc mất niềm tin vào mình và vào người (A lack of transparency results in distrust and a deep sense of insecurity) – Dalai Lama



Sau 44 năm lăn lộn trên thương trường, tôi đã sống chung và làm việc với khá nhiều sắc dân: từ Mỹ đến Tây Âu rồi Đông Âu, từ Á đến Trung Đông, Phi Châu, từ già đến trẻ, từ nam đến nữ, từ địa vị làm thuê đến làm chủ... Mỗi dân tộc vì gốc gác văn hóa và môi trường mang nhiều khác biệt nên sự thể hiện của họ qua đời sống hàng ngày, qua công việc cũng rất dễ nhận ra theo tính chất và hiệu quả.

Bản lĩnh Việt

Theo quan sát cá nhân tôi, người Việt mang những cá tính rất đáng khen ngợi, trong đó, bản chất thông minh, ham học và cầu tiến tương đối nổi trội hơn các dân tộc khác. Ngoài ra, lịch sử và môi trường phải luôn đối phó với nhiều đối thủ nặng ký, nên một số lớn người Việt rất can đảm, liều lĩnh và biết hưởng thụ mỗi giây phút của đời mình.

Ở mặt trái, dân tộc Việt lại rất thủ đoạn, mung oán, nhiều ganh tị hiểm khích. Hai mặt cảm tự ti cùng tự tôn hòa lẫn tạo ra hai thái cực đối chọi trong thái độ đối với người ngoài: lúc thì rất thân thiện hiếu khách, lúc thì thù hận ghét bỏ. Riêng tính che giấu và chỉ làm vì sĩ diện là một gánh nặng thấm nhuần cả ngàn năm từ văn hóa Trung Quốc. Sự khép kín không dám cởi mở này có lẽ tạo nên một truyền thống bảo thủ, một tầm nhìn chật hẹp và ngắn hạn.

Tôi tin rằng nếu chúng ta tìm được căn cơ để loại bỏ bớt những điểm yếu và thăng hoa những điểm mạnh, bản lĩnh Việt sẽ thừa sức sáng tạo để cạnh tranh trong nền kinh tế kiến thức đầy thử thách của toàn cầu.

Minh bạch để đạt tự do và thịnh vượng?

Tính minh bạch là yếu tố quan trọng nhất trong tư duy và hành xử của con người. Khi tự hứa với bản thân là mình sẽ luôn tuân thủ theo luật chơi, minh bạch với chính mình, với người chung quanh, thân hay lạ, với những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ hay những dự định cho

tương lai, chúng ta sẽ thu ngắn rất nhiều khoảng cách tiến bộ với các dân tộc láng giềng, cũng như xa hơn.

Tôi chưa tìm ra một nghiên cứu sâu rộng nào về ảnh hưởng của tính minh bạch trên các định chế kinh tế, trên thể chế chính trị hay trên niềm tin trong xã hội. Theo quan sát của cá nhân, *những quốc gia có tính minh bạch cao thường là những quốc gia và dân tộc xếp hàng đầu về tự do và thu nhập (hai mệnh đề cốt lõi để người dân có thể theo đuổi hạnh phúc riêng của mình).*

Trong khi đó, những xã hội nghèo kém và suy thoái thường chịu ảnh hưởng nặng nề của sự giả dối từ những quyền lực chính trị độc đoán, từ những hoạt động thao túng của nhóm tư bản thân hữu, từ ngay cả các liên hệ xã hội và kinh tế của những người nghèo với nhau.

Suy từ thiên nhiên, những nơi chốn đen tối thiếu ánh sáng mặt trời thường mục rữa, ẩm ướt... tạo môi trường thuận tiện cho côn trùng và vi rút. Khi nói về thiên nhiên xanh, ngay cả trẻ em cũng vẽ ra một hình ảnh của những chùm hoa hay cây cỏ khoe sắc dưới ánh nắng đầu ngày.

Minh bạch trong lịch sử

Quay về lịch sử của khoa học nghệ thuật, thời đại phong kiến tàn bạo nhất của Âu Châu được gọi là Dark Age (Đen Tối). Mọi sáng tạo bị bịt kín, giáo điều ngự trị và mọi trí thức trái chiều đều bị coi là "thế lực thù địch". Đây là thời mà nhà cầm quyền giam giữ Galileo cho đến khi gần chết, vì ông ta dám đưa ra giả thuyết là "trái đất quay quanh mặt trời".

Ngày hôm nay, sự thống trị của doanh nghiệp Mỹ trong các lĩnh vực sáng tạo của nền kinh tế trí thức gần như tuyệt đối. Ngoài công nghệ thông tin với Silicon Valley, giải trí với Hollywood, Mỹ còn làm bá chủ trong các kỹ nghệ xưa cũ nhưng cần tối tân hóa: nông nghiệp, ô tô, bán lẻ, nhà hàng, khách sạn, cờ bạc... Trong 10 thương hiệu giá trị nhất toàn cầu, 9 là của Mỹ.

Có phải đây là sức mạnh của minh bạch?

Một người bạn Đan Mạch nhận xét là người Mỹ bị ám ảnh (obsessed) với minh bạch và sự thật. Anh lấy thí dụ vụ Lance Armstrong, có thể coi như một "anh hùng" và "biểu tượng" trong xã hội Mỹ, nhờ 7 lần đoạt giải Tour De France trong khi bị ung thư. Tuy nhiên, những người thân và cộng sự viên bắt đầu nói về sự lạm dụng thuốc hormone quá liều để tạo cơ bắp, một vi phạm về luật Olympic của thể thao. Truyền thông và cơ quan chính phủ nhập cuộc để lờ đi khỏi bộ thờ một huyền thoại siêu sao. Trong khi đó, ngay chính những nhà quản lý Tour De France chỉ mong là vi phạm này được chìm xuồng để mọi người không phải bị sự tiêu cực gây khó chịu và bất tiện.

Tôi cười nói với anh bạn là ngay cả "cha già dân tộc" của Mỹ, Tổng thống Washington, suốt 200 năm qua, vẫn đang bị các sử gia soi mói về việc ông "ngủ lang" với những nô lệ da đen trong đồn điền ông tư hữu. Hay chuyện bệnh tâm thần của bà Lincoln đã ảnh hưởng thế nào đến các quyết định của Tổng Thống? Gần đây, việc nói dối của các Tổng Thống Nixon và Clinton đã làm lu mờ di sản và tiếng tăm trong lịch sử của chính họ.

Gánh nặng cá nhân

Dù qua Mỹ du học năm 17 tuổi, gánh nặng văn hóa thụ động, sĩ diện và thích che giấu của Việt Nam đè nặng suốt đời kinh doanh của tôi, không ít thì nhiều. Đến năm 1985, khi tôi niềm yết công ty của mình trên sàn chứng khoán, tôi bị quăng vào sống trong một căn nhà

kính, nơi 16,000 cổ đông, các nhà phân tích tài chính và đủ loại mạng truyền thông soi mói quá khứ và hiện tại của tôi mỗi ngày mỗi giờ. Tôi bị nhiều cú sốc và muốn bỏ cuộc.

Nhưng sau một thời gian, tôi quen dần với môi trường minh bạch, không cho phép bất cứ một sự giả dối nào. Con người tôi bỗng "nhẹ" hẳn ra khi ánh sáng tràn vào và mình không còn gì để che giấu. Sự thật quả tình cho tôi một tự do tuyệt vời (the truth will set you free). Đầu óc cởi mở, định kiến tiêu tan, sai lầm được phân tích theo khoa học và thất bại không còn là một xấu hổ phải "đẩy xuống thảm" để che giấu.

Minh bạch cho tôi một sức mạnh nội tại mới. Tôi bớt sợ sệt về những phán đoán vô bổ của tha nhân; tôi không còn bức xúc về những suy nghĩ không dám bày tỏ. Minh bạch cũng giúp tôi tạo niềm tin nơi khách hàng, đối tác, người thân, gia đình, bạn bè...vì họ biết con người thực của tôi, không phải một diễn viên hay một bù nhìn.

Trong những viết và lách tại đất nước này, nguyện vọng lớn nhất của tôi là đặt ra những câu hỏi để tạo nên những góc nhìn và tư duy mới cho các bạn trẻ. Nếu tôi chỉ thuyết phục được 1 phần trăm độc giả bắt đầu sống với tính minh bạch mỗi ngày, tôi nghĩ đó sẽ là thành công lớn nhất của mình.

(Kết thúc bài viết của T/S Alan Phan, nhân gặp một "comment" khá kỳ lạ cho bài báo trên, đặc biệt là ở nội dung "...Thí dụ như minh bạch có thể giết chết tính sáng tạo...", xin trích thêm ra đây!

Comments



Huynh Long says:

[May 29, 2013 at 11:33 pm](#)

Thưa bác Alan,

Đọc bài viết của Bác mà khen thì giống như "khen phò mã tốt áo", nhưng để chia sẻ sự đa dạng của vấn đề, xin được có thêm vài ý kiến để suy ngẫm.

Trong thiên nhiên, đặc biệt là đấu tranh sinh tồn, thì nguy trang, chứ không phải là minh bạch, là kỹ năng cần thiết để tồn tại và phát triển, và con người cũng không phải là ngoại lệ. Điều này có vẻ mâu thuẫn với những gì đang xảy ra với hiện tại của nước Mỹ, và một số nước ở châu Âu, những nước được cho là "văn minh". Tuy nhiên, giả sử họ thật sự "minh bạch" theo đúng cái định nghĩa của nó, thì sự "minh bạch" cũng chỉ mới hiện hữu vài chục năm, sau mấy chục triệu năm từ khi có con người trong tự nhiên và ít ra cũng vài trăm năm "thiếu" minh bạch, với các dân tộc khác và người dân của chính họ, để đạt được "văn minh" như ngày nay. Nói cách khác, minh bạch chỉ là hiện tượng, chứ không phải bản chất của con vật và con người trong thiên nhiên. Bác có vẻ hơi nhầm lẫn về nguyên nhân và hậu quả, việc này thì rõ ràng hơn "con gà và quả trứng", vì cho tới thời điểm này thì "minh bạch" chỉ xuất hiện sau khi văn minh về vật chất và nhận thức đã đạt được ở các nước đó.

Trong lịch sử, những nhân vật có dấu ấn lớn đều nổi bật lên một đức tính chung, "thiếu minh bạch", vì một lý do đơn giản: minh bạch không phải là một công cụ hiệu quả để xây dựng quyền lực. Còn xã hội nói chung, tổng thể của những cá nhân trong

đó, có thật sự tốt hơn với sự minh bạch? Câu trả lời là còn tùy vì chúng ta phải đi sâu hơn trong sự minh bạch về luật pháp, minh bạch trong quan hệ, minh bạch trong kiến thức khoa học, ... Một cách chung chung, thì cái gì cũng phải có liều lượng, cần phải cân đối với nhiều yếu tố khác. **Thí dụ như minh bạch có thể giết chết tính sáng tạo vì chẳng mấy ai muốn khổ nhọc tìm tòi, suy nghĩ để mọi người cùng sử dụng, như vụ các nước cáo buộc nhau về việc ăn cắp tài liệu khoa học.**

Tóm lại, phân lượng là then chốt, minh bạch hết thì loạn à ?)

II.) Thêm một chút về khái niệm minh bạch

Có 3 mức độ chính cần xem xét đối với khái niệm minh bạch: hành vi, xã hội (thiết chế), và tư tưởng (triết học nhận thức, tri thức học - Epistemology)

Ở mức độ hành vi, minh bạch là một ẩn dụ về khía cạnh rõ ràng trong hoạt động của các hệ thống, cá nhân, tổ chức. Minh bạch trong trường hợp này là các hành vi trong quá trình biểu hiện của nó phải được quan sát tường tận, dễ dàng, thuận lợi. Các hành vi nói ở đây là những hành vi rộng khắp trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, quản lý, thông tin, chính trị, thương mại, nhân văn...

Minh bạch trong ý nghĩa như vậy, chủ yếu bao hàm các khía cạnh: tính công khai (openness), khả năng thông tin cởi mở (communication), trách nhiệm giải trình (accountability).

Ở mức độ xã hội (thiết chế), minh bạch là phẩm tính cơ bản. Các xã hội muốn tồn tại và phát triển phải kiến lập được phẩm tính minh bạch trên thực tế. Các thiết chế xã hội trên nền tảng của "đức hạnh" minh bạch phải cho phép các thành phần, các bộ phận của xã hội có điều kiện thuận tiện trong tương tác, khai thác, sử dụng các hệ thống, công trình, dịch vụ, vật chất... mà xã hội tạo ra như là phương thức chia sẻ các quyền lợi, giá trị xã hội công bằng.

Tính minh bạch trong trường hợp này thường liên quan đến các khía cạnh (trong sự phát triển các hệ thống giá trị cung ứng cho toàn xã hội): khả năng tiếp cận (accessibility), tính dễ dàng sử dụng (usability), tính tiện ích (utility), khả năng lý giải (understandability), khả năng cập nhật và thẩm định thông tin (informativeness and auditability).

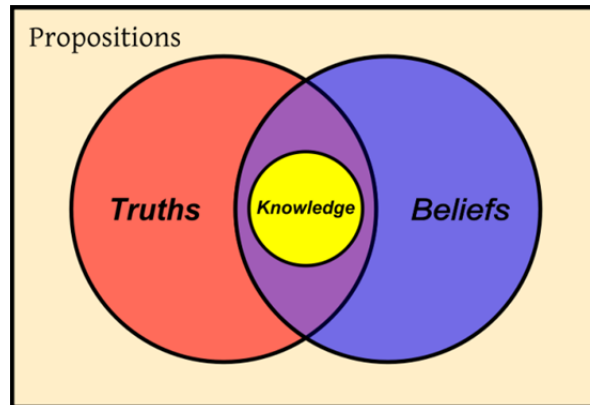
Minh bạch ở mức độ xã hội là vấn đề điều tiết sự minh bạch ở quy mô xã hội, nhằm tránh tình trạng sự minh bạch manh múng trong biểu hiện, nơi có, nơi không..., dẫn đến thiếu sự đồng bộ trong thực thi, giữ gìn và phát triển các thiết chế nền tảng vận hành xã hội.

Trong ý nghĩa sâu xa, minh bạch ở mức độ xã hội còn liên qua đến công bằng xã hội, liên quan đến mục tiêu, hoài bão tiến bộ của xã hội và qua đó, minh bạch trở thành động cơ thúc đẩy tiến bộ xã hội. Nếu một xã hội đánh mất tính minh bạch, đó sẽ là một xã hội đánh mất cả lương tâm. Minh bạch cùng với lương tâm cộng tồn như thể hai mặt của một đồng tiền là điều kiện cơ bản đảm bảo giá trị của "đồng tiền xã hội".

Ở mức độ tư tưởng (triết học nhận thức, tri thức học - Epistemology)

Triết học nhận thức chủ yếu xem xét về bản chất, nguồn gốc, phạm vi của tri thức (knowledge). Tri thức ở đây được hiểu tổng quát là kết quả tương tác giữa chủ thể nhận thức và đối tượng của hoạt động nhận thức (gọi tắt là khách thể nhận thức). Vì không phải mọi tương tác như vậy đều dẫn đến kết quả hình thành tri thức, cho nên, cần có tiêu chuẩn, cách thức để biến đổi chúng thành tri thức. Do đó mà phát sinh vai trò của khái niệm minh bạch.

Edmund L. Gettier, giáo sư ở University of Massachusetts Amherst, nổi tiếng trong lĩnh vực triết học nhận thức với bài báo năm 1963 "*Is Justified True Belief Knowledge?*" – "*Tri thức có phải là niềm tin đích thực xác chứng?*", có giới thiệu một mô hình biến đổi tri thức thông qua sự cộng hưởng giữa "chân lý" (truth) – "niềm tin" (belief).



Bằng cách nào để biết điều mà ta biết? Công nhận điều ta biết là tri thức? Tri thức như vậy có mức độ khả tín (cách biện minh cho các khẳng định tri thức) như thế nào?

Bằng cách gạt bỏ hoài nghi, "**minh bạch**" xác chứng một chân lý và biến chân lý đó thành tri thức. Thông qua đòi hỏi của "**minh bạch**", chủ thể nhận thức tìm kiếm các phương thức thăm dò mọi khía cạnh ẩn khuất của sự vật hiện tượng cần nhận thức. Tri thức bấy giờ là kết quả phơi bày của những ẩn khuất. Sự phơi bày càng trọn vẹn, tri thức thu nhận càng hoàn hảo. "**Minh bạch**" tìm kiếm những phương thức để phơi bày các ẩn khuất như là tri thức tường minh.

Thế nhưng, tri thức không chỉ là những cái tường minh. Những cái tường minh thì không còn nhiều ý vị để trăn trở, suy tư. Động lực tiếp cận tri thức không nằm ở những khía cạnh đã được phơi bày; chủ yếu đến từ "phần ẩn khuất". Điều này tựa như khi ta nghe một lời nói, suy tư chỉ có mặt ở phần hàm nghĩa, ẩn tàng của phát ngôn.

Cho nên, đối với triết học nhận thức, cần trả lời, những gì ẩn khuất có phải là tri thức không? Và **Edmund L. Gettier**, **Frederick Irwin Dretske** (Duke University), rồi đến **Robert Nozick** (Harvard University) dù không trực tiếp trả lời câu hỏi vừa nêu, nhưng đã tiến một bước dài về xây dựng công thức lô-gích cho tính khả tín của tri thức thông qua xem xét mức độ minh bạch của *trạng thái tiếp nhận tri thức (epistemic state)*:

Trạng thái tiếp nhận tri thức E có tính minh bạch kém đối với chủ thể nhận thức S khi và chỉ khi S trong trạng thái E, S biết rằng mình đang trong trạng thái E.

(nói cho dễ hiểu hơn, mức độ khả tín của tri thức E là thấp khi và chỉ khi tri thức E đúng, S biết rằng E đúng)

Trạng thái tiếp nhận tri thức E có tính minh bạch cao đối với chủ thể nhận thức S khi và chỉ khi S trong trạng thái E, S biết rằng mình đang trong trạng thái E **VÀ** khi S không ở trạng thái E, S biết mình không ở trong trạng thái E.

*(Mức độ khả tín của tri thức E là cao khi và chỉ khi tri thức E đúng, S biết rằng E đúng **VÀ** khi tri thức E sai, S biết rằng E sai)*

Hàm nghĩa của lô-gích nêu trên tương tự như một quan điểm về *Minh Triết* của phương Đông: **bạc Minh Triết thì biết mình biết cái gì và biết mình không biết cái gì.**

Nhân nói về Minh Triết của phương Đông, xin dẫn thêm một minh họa liên quan.

Khi nghiên cứu về “Minh Triết Phương Đông”, François Jullien – giáo sư đại học Paris Diderot University, giám đốc Viện tư tưởng hiện đại và Trung tâm Marcel Granet của trường này – trong tác phẩm “Minh triết phương Đông và Triết học phương Tây”, có dẫn ra tình huống sau từ Luận Ngữ:



... Khổng tử đã cẩn thận dặn các học trò của ông : “Các trò ngỡ rằng ta có điều giấu giếm với các trò sao? Không, ta chẳng có giấu giếm điều chi hết. Ta chẳng có làm điều chi mà không cho các trò hay. Khâu này là vậy đó” ...

François Jullien muốn nói rằng, dù đã hết sức minh bạch trong việc nêu ra đầy đủ những gì cần khuyên bảo, nhưng Khổng tử dường như cảm nhận được rằng, “đồ đệ của ông có cảm giác không bao giờ ông nói với họ tất cả, chỉ ra cho họ tất cả; và cái mà họ không thể biết đến tận cùng, đến tận đáy, đối với họ cứ còn ẩn khuất.” Và khía cạnh ẩn khuất mà học trò của Khổng Tử băn khoăn là lẽ đương nhiên, vì mọi tri thức của bạc Minh Triết bao giờ cũng hàm chứa, ẩn dấu những giá trị tinh tế.

Song, tình huống trích dẫn còn có một ý nghĩa minh họa khác cho chiều kích ẩn khuất của tri thức. Những hồ nghi của học trò Khổng Tử thật ra là kết quả từ việc không kiểm soát được “trạng thái tiếp nhận tri thức”. Những hồ nghi đó không phải từ sự không minh bạch, không đầy đủ của nguồn cung cấp tri thức.

Như vậy, bằng cách thúc đẩy tiến trình minh bạch, nhân loại sẽ có những con người minh triết, cộng tồn trong một xã hội minh triết. Ngược lại, nhân loại sẽ dần thoái vào đời sống vô minh, dốt nát.

Philip G. Armour, trong quyển “*The Laws of Software Process: A New Model for the Production and Management of Software*” (Auerbach Publications © 2004), có một kiến giải thú vị về khái niệm vô minh (unknownness, ignorance – cách diễn đạt chân phương là tình trạng ngu dốt). Armour phân biệt năm mức độ “vô minh”:

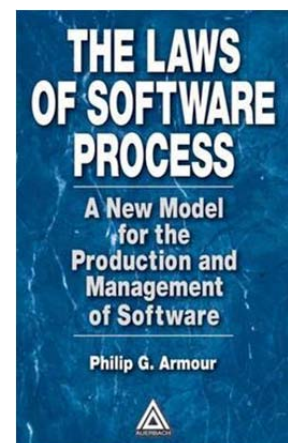
Mức không: một cá nhân được xem là **không gặp tình trạng vô minh** (*Lack of ignorance*) nếu cá nhân xác chứng - minh bạch được rằng mình có những hiểu biết nhất định, cụ thể.

Mức một: **vô minh tri thức** (*Lack of knowledge*) gắn liền với tình trạng một cá nhân không có những hiểu biết nhất định, cụ thể.

Mức hai: **vô minh nhận thức** (*Lack of awareness*) khi một cá nhân thiếu ý thức về tình trạng vô minh tri thức mà cá nhân đó đang gặp phải.

Mức ba: **vô minh trí tuệ** (*Lack of Process*), cá nhân thiếu trí tuệ để phát hiện tình trạng vô minh nhận thức mà cá nhân đó đang gặp phải.

Mức bốn: **vô minh căn bản** (*Meta ignorance*), là tình trạng vô minh toàn diện khi mà cá nhân không biết chút gì về năm mức vô minh.



Ở mức vô minh càng cao, tình trạng không minh bạch nói chung càng trầm trọng. Một lần nữa, minh bạch vừa là thước đo vừa là phương thức nền tảng để vượt thoát vô minh.

III.) Minh bạch trong sáng tạo

- Vượt qua tất cả các giáo điều, khuôn mẫu trì trệ, sáng tạo xô đổ mọi giới hạn, rào cản trên đường dẫn đến tiến bộ.
- Vượt qua tất cả các hình thái tiến bộ, sự tiến bộ về vốn hiểu biết (tri thức) là tiến bộ nền tảng của nhân loại.
- Chỉ những chân lý – hiểu biết chân thật, minh bạch, mới có thể dẫn đến những tiến bộ bền vững với thời gian.

Cho nên,

- Không có sáng tạo nào mà không đóng góp vào sự tiến bộ.
- Không có tiến bộ nào có ý nghĩa bằng tiến bộ về vốn tri thức.
- Không có vốn tri thức nào đem lại tiến bộ bền vững bằng tri thức chân thật.

Dù là trí tuệ cổ xưa, dù là tư duy hiện đại, tất cả chỉ thật sự có giá trị, có ý nghĩa khi không ngừng đóng góp vào tiến bộ bền vững của nhân loại bằng các hoạt động sáng tạo, tăng trưởng tri thức chân thật. Trọng trách sáng tạo chính là lương tâm căn bản của xã hội.

Đâu khó để nhận thấy, rẻ rúng sáng tạo thì khác gì thái độ miệt thị lương tâm; lương tâm xuống cấp thì minh bạch cũng không thể duy trì, các giá trị xã hội sẽ nhanh chóng bị xói mòn theo đó...!

IV.) ... Thay cho lời kết

Cho đến nay, đối với khái niệm Minh Triết của phương Đông, tôi vẫn dùng định nghĩa Minh Triết của riêng mình trong một cung cách không tách rời khỏi tính minh bạch:

Minh triết là hiểu biết chân thật. Điều chân thật sẽ đưa chúng ta đi thật xa, thật sâu ..., vào tận bên trong!

... Và tận bên trong, sâu thẳm, không có sự khác biệt, chia tách giữa Minh Triết và Sáng Tạo.



TRÍ TUỆ MINH BẠCH CỦA NGƯỜI XƯA

"Các trò ngớ rằng ta có điều giấu giếm với các trò sao? Không, ta chẳng có giấu giếm điều chi hết. Ta chẳng có làm điều chi mà không cho các trò hay. Khâu này là vậy đó"

– Khổng Tử –

Một lời giải cho bài toán bảo tồn tê giác¹

Minh Khôi



Trong quan niệm theo y học cổ truyền châu Á (Trung Quốc và Việt Nam), sừng tê giác rất hay được sử dụng. Nhiều nơi như ở Yemen và Oman, chúng được dùng làm đồ trang sức (cụ thể là cán dao găm, ly uống nước...). Sừng tê giác có thành phần cấu tạo cơ bản tương tự tóc và móng tay con người, giá trị y học chính thống² cũng chưa bao giờ được chứng minh là có thể chữa bệnh. Tuy nhiên do quan niệm cổ truyền và sự đồn thổi, sừng tê giác vô tình bị tưởng lầm là thần dược có thể chữa bách bệnh, dẫn đến sự săn bắn điên cuồng khiến cho các loài tê

giác rơi vào nạn tuyệt chủng. Việt Nam cũng là nước tiêu thụ lậu sừng tê giác lớn nhất thế giới. Cả 5 loài tê giác đều không có tương lai an toàn: Tê giác trắng có lẽ là ít nguy cấp nhất, tê giác Java hiện chỉ còn một số lượng rất nhỏ (khoảng 60 cá thể vào năm 2002) và là một trong hai hay ba loài động vật có vú lớn đang ở tình trạng nguy cấp nhất trên thế giới.

Còn ở châu Phi, năm 1910, trong khi loài tê giác trắng quý hiếm chỉ còn khoảng 100 con ở Nam Phi, thì loài tê giác đen cũng không khá hơn; đến năm 1995, số lượng tê giác đen cũng chỉ còn khoảng 2410 con.

Các chiến dịch bảo vệ tê giác được khởi động từ những năm thập niên 1970, ở Nam Phi và Namibia, một hệ thống các quy định đi kèm bảo trợ về tài chính cho các hoạt động sở hữu, quản lý và bảo vệ loài tê giác trong khuôn khổ hoạt động du lịch và săn bắn hợp pháp đã giúp giảm thiểu nạn săn trộm. Kết quả, số lượng tê giác dần phục hồi.

Nhưng giờ đây, một lần nữa, tê giác châu Phi phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng dù vẫn còn đó lệnh cấm buôn bán các bộ phận cơ thể tê giác theo "*Công ước thương mại quốc tế động vật có nguy cơ tuyệt chủng*" (Công ước CITES năm 1977).

Cùng với sự đi lên của nền kinh tế châu Á và tâm lý săn tìm "hàng hiếm" của giới tiêu dùng giàu có, những kẻ đầu cơ đã tung tin về tác dụng chữa bệnh màu nhiệm của sừng tê đối với những bệnh ngặt nghèo chẳng hạn như ung thư... khiến tê giác bị săn lùng ráo riết. Năm ngoái, mỗi kg sừng tê giác có giá 65.000 USD trên thị trường chợ đen. Mức giá này đáng kinh ngạc vì vào năm 1993, một kg sừng tê khi đó chỉ có giá 4700 USD.

¹ Độc giả tham khảo bài gốc "Save Rhinos by Selling their Horns", Jennifer Abbasi, trang 22, Discover Special Issue July/August 2013

² Còn theo GS Đỗ Tất Lợi "Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam", NXB Y học 2004, tê giác là một vị thuốc thường dùng trong đông y. Thuốc có tác dụng thanh huyết nhiệt, giải ôn độc, định kinh, thường dùng trong các trường hợp sốt quá hóa điên cuồng, sốt vàng da, thổ huyết, máu cam, nhức đầu, ôn độc... Gần đây còn dùng làm tăng nhu động ruột non, tăng hồng cầu, giảm bạch huyết cầu, chữa bệnh viêm não. Trung y hiện nay có khuynh hướng thay sừng tê bằng sừng trâu cũng đem lại kết quả tương tự nhưng phải dùng với liều cao hơn.



Nhu cầu tăng cao ắt dẫn đến nguồn cung cũng phải tăng theo quy luật cung cầu. Nạn săn trộm ở Nam Phi đã tăng gấp đôi mỗi năm trong vòng 5 năm qua. Tê giác thường bị giết ngay bằng súng trường. Cũng có khi, chúng bị bắn bằng phi tiêu gây mê, bị cưa sừng và bỏ mặc cho đến chết. Tại Nam Phi năm qua, 2012, ít nhất 668 con tê giác bị chết trong trường hợp này. Trong năm nay, 2013, vẫn còn nhiều tê giác bị chết một cách đau đớn vì bị cắt mất sừng. Theo ông Bret Tolman, tổ chức bảo vệ thú vật TRAFFIC, trong

chương trình "Tấm gương thế giới" (Weltspiegel), đa số những người buôn lậu hàng này bị bắt tại Nam Phi hay Mozambique là người Việt, ngay cả ở các phi trường Bangkok, Dubai hay Hongkong cũng vậy. 100g sừng tê giác tại một cửa hàng tại Hà Nội trị giá khoảng 2500 Dollar.

Trong một báo cáo năm ngoái, 2012, các nhà nghiên cứu dự đoán rằng cả hai loài tê giác đen, trắng sẽ bị tuyệt chủng trong vòng hai thập kỷ tới nếu nạn săn trộm cứ tiếp tục tăng nhanh. Việc ngăn chặn những kẻ săn trộm cũng rất tốn kém và hết sức nguy hiểm.

Giải pháp tuyên truyền, giáo dục đã không thành công. Giống như móng tay của chúng ta, sừng tê giác được tạo thành từ chất sừng, và các nghiên cứu của y học phương Tây đã cho thấy sừng tê giác không có lợi ích về sức khỏe. Nhưng điều đó không thuyết phục được những kẻ buôn bán sừng tê giác.

Trớ trêu thay, hợp pháp hóa việc mua bán trái phép sừng tê giác lại là một giải pháp có thể giúp bảo tồn được các loài động vật quý hiếm. Đầu năm nay, tạp chí Science đăng chia sẻ của Duan Biggs – nhà sinh học bảo tồn của Đại học Queensland (Australia), người ủng hộ cho dỡ bỏ lệnh cấm – *"Cấm mua bán sừng tê giác không hiệu quả vì nhu cầu về sừng tê giác đã tồn tại từ lâu và ngày càng tăng. Việc cấm đoán một cách duy ý chí chỉ làm hạn chế nguồn cung trong khi nhu cầu này ngày càng tăng, từ đó đẩy giá sừng tê giác lên cao và chỉ làm tăng lợi nhuận cho những kẻ săn trộm"*.



Sừng tê giác có thể được cắt hoặc cạo và chúng sẽ phát triển trở lại mà không gây hại đến bản thân tê giác. Biggs lập luận rằng sừng cắt từ 5.000 con tê giác trắng của Nam Phi trên vùng đất bảo tồn tư nhân, cùng với nguồn sừng bị tịch thu và những nguồn thu từ những con tê giác chết tự nhiên, có thể đáp ứng nhu cầu hiện tại nếu được kiểm soát chặt chẽ thông qua một tổ chức tập trung duy nhất. Mỗi chiếc sừng hợp pháp có thể mang một bộ theo dõi và có thông tin DNA được ghi lại cho phép theo dõi lộ trình di chuyển của chúng từ Nam Phi đến Việt Nam và Trung Quốc, nơi mà hầu hết các sừng được bán.

Việc tăng cung ứng bằng con đường thương mại hợp pháp có thể dẫn đến giảm giá sừng tê giác trên thị trường, và bằng cách làm giảm động cơ tham lam của bọn săn trộm mà bảo vệ quần thể tê giác. Biggs tin rằng kiểm soát thương mại hợp pháp sẽ bảo vệ tê giác trên nhiều phương diện. Một phần của lợi nhuận có thể được đầu tư hiệu quả cho hoạt động chống săn trộm, cũng như đem lại công ăn việc làm cho cư dân các khu vực xung quanh. Cuối cùng, một quy định chặt chẽ buôn bán sừng hợp pháp có thể là giải pháp tốt nhất trong mọi giải pháp.

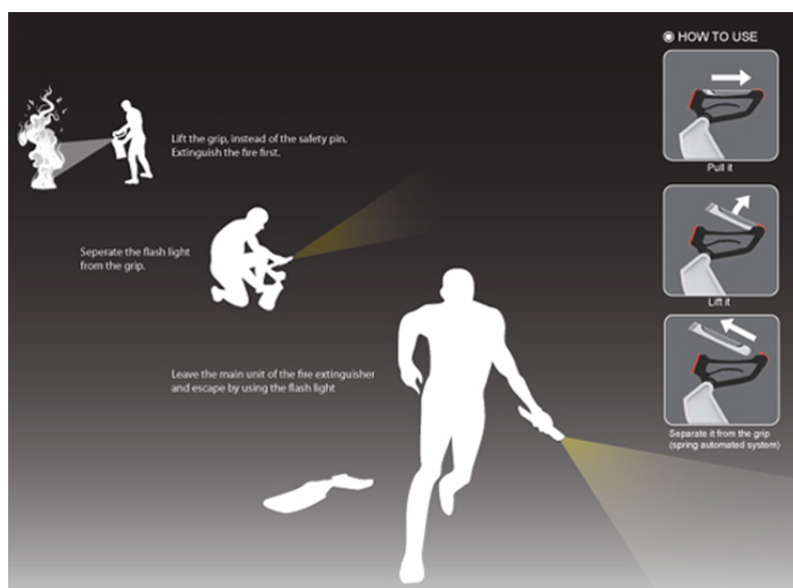
Sản phẩm sáng tạo

Thực hiện: **M**Sơn
Khôi

The Extinguisher For Black Out



Sản phẩm được thiết kế bởi các nhà thiết kế: Chang Young Jung, Hanbin Ko, Won Chan Lee và Kiwon Lee. The Extinguisher For Black Out gồm một bình chữa cháy và một đèn pin (5. Nguyên tắc kết hợp). Đèn pin có thể tháo rời khỏi sản phẩm (2. Nguyên tắc tách khỏi + 1. Nguyên tắc phân nhỏ) để sử dụng trong trường hợp mất điện (11. Nguyên tắc dự phòng).



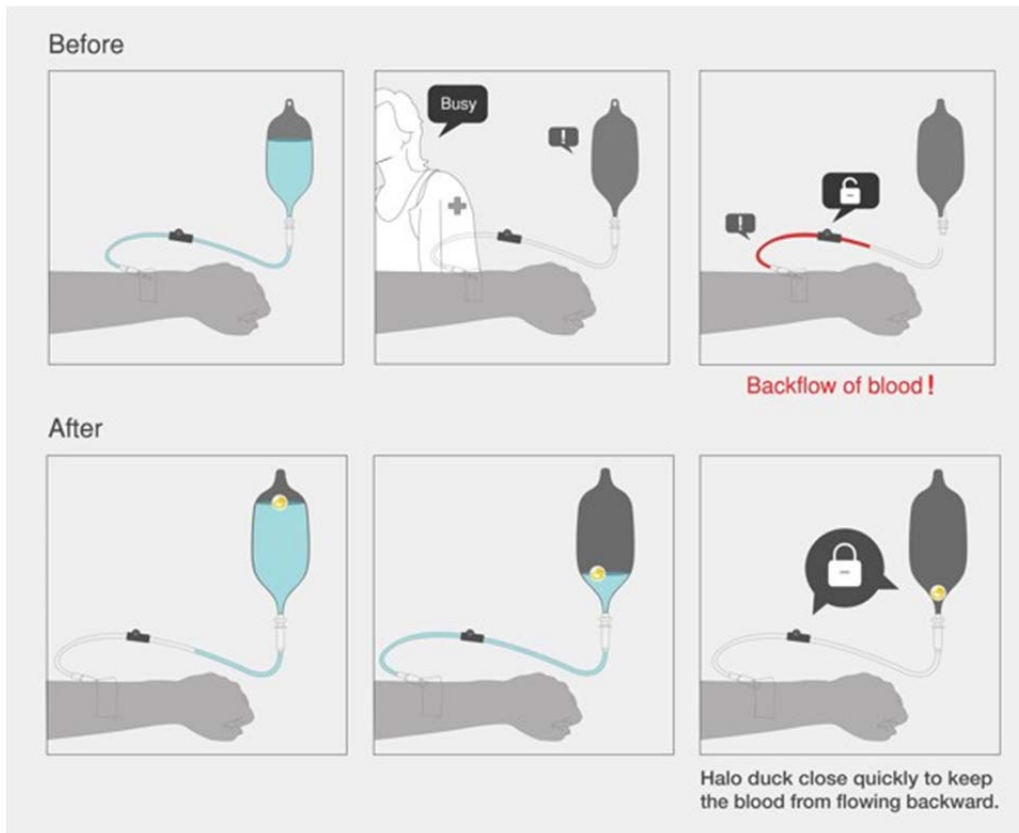
Happy Halo Duck

Sản phẩm được Jung Hyun Min thiết kế nhằm hai mục đích:

- Giúp trẻ em không còn cảm giác sợ hãi khi truyền dịch nhờ một chú vịt xinh xắn nằm trong túi truyền dịch
- Ngăn máu chảy ngược vào túi khi quên khóa van điều tiết



Hai mục đích trên nhìn dưới góc độ của các thủ thuật là thể hiện cụ thể của 11. Nguyên tắc dự phòng.



Để đạt hai mục đích trên, túi truyền dịch cải tiến được thay đổi từ túi truyền dịch tiền thân bằng các thủ thuật sau:

- 1) Nguyên tắc tự phục vụ (25): túi tự ngăn dòng máu chảy ngược mà không cần phải có người điều khiển.
- 2) Nguyên tắc kết hợp (5): túi phải có thêm một yếu tố mới. Yếu tố mới đó phải có hai chức năng (6. Nguyên tắc vạn năng): "phao" khi túi còn nước và "van" khi túi hết nước. Phao dưới hình dạng một chú vịt nhỏ xinh xắn để các bé không phải sợ khi được truyền dịch. "Phao" sẽ có chức năng như một chiếc van ngăn không cho máu chảy ngược vào túi.
- 3) Nguyên tắc tự phục vụ (25): sử dụng nguồn dự trữ có sẵn trong hệ (trọng lượng của phao) để ngăn máu chảy ngược vào túi